

Số: 136 /CV-TTYT
V/v yêu cầu báo giá

Mù Cang Chải, ngày 17 tháng 6 năm 2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Y tế huyện Mùa Càng Chải có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm hóa chất, sinh phẩm phục vụ công tác khám chữa bệnh của Trung tâm Y tế huyện Mùa Càng Chải năm 2025-2026 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Mùa Càng Chải. Địa chỉ: Tổ 5, thị trấn Mùa Càng Chải, huyện Mùa Càng Chải, tỉnh Yên Bái.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
Giảng A Phổng, Trưởng khoa Dược - TTB - VTYT. ĐT: 0918893688,
Gmail: vuphongdkh2008@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Công ty gửi báo giá theo một trong các cách thức sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược, Trung tâm Y tế huyện Mùa Càng Chải. Địa chỉ: Tổ 5, thị trấn Mùa Càng Chải, huyện Mùa Càng Chải, tỉnh Yên Bái.
- Nhận qua Gmail: vuphongdkh2008@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 18 tháng 6 năm 2025 đến trước 17h ngày 27 tháng 06 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục yêu cầu báo giá

(Phụ lục chi tiết kèm theo).

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt, các yêu cầu về vận chuyển, bảo quản thiết bị y tế: Khoa Dược - TTB - VTYT, Trung tâm Y tế huyện Mùa Càng Chải, thị trấn Mùa Càng Chải, tỉnh Yên Bái.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: năm 2025-2026.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: không.

5. Các thông tin khác: Không.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC



Đỗ Lâm Phúc

Phụ lục

(Kê khai theo Công văn số 136 CV-TTYY ngày 13/6/2025 của Trung tâm y tế huyện Mù Cang Chải)



STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật/Tiêu chuẩn chất lượng	DVT	Số lượng dự kiến 2025	Số lượng dự kiến 2026	Cộng 02 năm
I	Phần 1. Hóa chất xét nghiệm huyết học (Yêu cầu cung cấp, cài đặt và sử dụng được cho máy xét nghiệm huyết học Celltac alpha và F580)					
1	Dung dịch pha loãng	- Sử dụng tương thích với máy phân tích huyết học Celltac alpha - Thành phần chính: NaCl, Bộ đệm, Chất chống vi khuẩn - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Lít	800	900	1.700
2	Hóa chất ly giải hồng cầu	- Sử dụng tương thích với máy phân tích huyết học Celltac alpha - Thành phần chính: Muối amoni bậc bốn, Natri Lauryl Sulfate - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	6.000	6500	12.500
3	Dung dịch rửa máy thường quy	- Sử dụng tương thích với máy phân tích huyết học Celltac alpha - Thành phần chính: Đệm PB, NaCl, Chất hoạt động bề mặt - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Lít	20	20	40
4	Dung dịch rửa máy đậm đặc	- Sử dụng tương thích với máy phân tích huyết học Celltac alpha - Thành phần chính: Cl₂, Chất hoạt động bề mặt, NaOH - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Lít	7	8	15
5	Chất kiểm chuẩn chất lượng máy huyết học mức thấp	- Sử dụng tương thích với máy phân tích huyết học Celltac alpha - Thành phần chính: Hồng cầu người và động vật có vú, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu mô phỏng - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	10	10	20
6	Chất kiểm chuẩn chất lượng máy huyết học mức bình thường	- Sử dụng tương thích với máy phân tích huyết học Celltac alpha - Thành phần chính: Hồng cầu người và động vật có vú, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu mô phỏng - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	10	10	20

7	Chất kiểm chuẩn chất lượng máy huyết học mức cao	- Sử dụng tương thích với máy phân tích huyết học Celltac alpha - Thành phần chính: Hồng cầu người và động vật có vú, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu mô phỏng - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	10	10	20
8	Hóa chất ly giải hồng cầu để đếm số lượng tế bào bạch cầu	- Sử dụng tương thích với máy phân tích huyết học tự động F580 - Thành phần chính: Dodecyl trimethyl amoni clorua (DTAC); Axit 4-(2-Hydroxyethyl)-1-piperazineethanesulfonic (HEPES) - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Lít	7	8	15
9	Hóa chất ly giải hồng cầu để định lượng huyết sắc tố	- Sử dụng tương thích với máy phân tích huyết học tự động F580 - Thành phần chính: Dodecyl trimethyl amoni clorua (DTAC); Axit clohydric - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	1.700	1800	3.500
10	Hóa chất nhuộm tế bào dùng để đo tế bào bạch cầu	- Sử dụng tương thích với máy phân tích huyết học tự động F580 - Thành phần chính: Thuốc nhuộm huỳnh quang - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	150	180	330
11	Dung dịch rửa kim hút, ống hút và buồng đo bạch cầu	- Sử dụng tương thích với máy phân tích huyết học tự động F580 - Thành phần chính: Natri hypoclorit - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	5	5	10
12	Dung dịch pha loãng dùng cho máy huyết học tự động	- Sử dụng tương thích với máy phân tích huyết học tự động F580 - Thành phần chính: Axit boric; Natri clorua - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Lít	300	350	650
II	Phần 2. Hóa chất xét nghiệm hóa sinh (Yêu cầu cung cấp, cài đặt và sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hóa Miura và CS-T240)					
13	Chất kiểm soát chất lượng xét nghiệm HbA1C	- Sử dụng tương thích với máy phân tích sinh hóa CT-T240 - Thành phần chính: Hồng cầu người - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	3	3	6
14	Chất hiệu chuẩn chất lượng xét nghiệm HbA1C	- Sử dụng tương thích với máy phân tích sinh hóa CT-T240 - Thành phần chính: Hồng cầu người - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	5	6	11

15	Hóa chất xét nghiệm HbA1C	- Sử dụng tương thích với máy phân tích sinh hóa CT-T240 - Thành phần chính: + R1: Dung dịch đệm + R2: Kháng thể đơn dòng kháng HbA1c chuột, kháng thể đa dòng IgG chuột kháng huyết thể dẻ, dung dịch đệm, chất ổn định + Thuốc thử tán huyết - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	600	700	1.300
16	Chất kiểm soát chất lượng xét nghiệm CRP	- Sử dụng tương thích với máy phân tích sinh hóa CT-T240 - Thành phần chính: Huyết thanh người. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	5	5	10
17	Chất hiệu chuẩn chất lượng xét nghiệm CRP	- Sử dụng tương thích với máy phân tích sinh hóa CT-T240 - Thành phần chính: + Chất hiệu chuẩn A: Natri Clorua + Chất hiệu chuẩn B-F: CRP người - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	8	9	17
18	Hóa chất xét nghiệm CRP	- Sử dụng tương thích với máy phân tích sinh hóa CT-T240 - Thành phần chính: + R1: Tris (hydroxymetyl) aminometan + R2: Anti-human CRP goat antiserum, Tris (hydroxymetyl) aminometan - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	120	150	270
19	Hóa chất xét nghiệm Albumin	- Sử dụng tương thích với máy phân tích sinh hóa CT-T240 và Miura - Thành phần chính: Bromocresol Green (BCG) - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	600	650	1.250
20	Hóa chất xét nghiệm Bilirubin trực tiếp	- Sử dụng tương thích với máy phân tích sinh hóa CT-T240 và Miura - Thành phần chính: + R1: EDTA-Na2, NaCl và axit Sulfamic. + R2: Muối dichlorophenyldiazonium 2,4, HCl, EDTA-Na2. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	900	1000	1.900

21	Hóa chất xét nghiệm Bilirubin toàn phần	- Sử dụng tương thích với máy phân tích sinh hóa CT-T240 và Miura - Thành phần chính: + R1: NaCl, HCl. + R2: HCl, 2,4 muối dichlorophenyldiazonium - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	400	500	900
22	Hóa chất xét nghiệm Amylase	- Sử dụng tương thích với máy phân tích sinh hóa CT-T240 và Miura - Thành phần chính: 2-Chloro-4-Nitrophenyl -α-D-Maltotriose (CNP3), Natri Clorua, Canxi axetat, Kali Thiocyanate, Natri Azua. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	130	150	280
23	Hóa chất xét nghiệm men gan (AST)	- Sử dụng tương thích với máy phân tích sinh hóa CT-T240 và Miura - Thành phần chính: + R1: Dung dịch TRIS, L-aspartate, MDH (vi khuẩn), lactate dehydrogenase (vi khuẩn) + R2: 2-oxoglutarate, NADH - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	3.000	3500	6.500
24	Hóa chất xét nghiệm men gan (ALT)	- Sử dụng tương thích với máy phân tích sinh hóa CT-T240 và Miura - Thành phần chính: + R1: L-alanine, lactate dehydrogenase (vi khuẩn) + R2: Dung dịch 2- oxoglutarate, NADH - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	3.000	3500	6.500
25	Hóa chất xét nghiệm GGT	- Sử dụng tương thích với máy phân tích sinh hóa CT-T240 và Miura - Thành phần chính: + R1: Glycylglycine + R2: L-γ-glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide (Glupa-C) - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	400	500	900
26	Hóa chất xét nghiệm Creatinine	- Sử dụng tương thích với máy phân tích sinh hóa CT-T240 và Miura - Thành phần chính: + R1: Creatine amidinohydrolase (vi sinh vật), sarcosine oxidase (vi sinh vật), N-ethyl-N-sulfo-propyl -m-toluidine, ascorbate oxidase (thực vật). + R2: Creatinine amidohydrolase (vi sinh vật), 4-aminoantipyrine, peroxidase (thực vật), Natri azide - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	4.000	5000	9.000

27	Hóa chất xét nghiệm Urea	- Sử dụng tương thích với máy phân tích sinh hóa CT-T240 và Miura - Thành phần chính: 2- oxoglutarate, ADP, GLDH (đồng vật có vú), Urease (thực vật), NADH - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	1.200	1500	2.700
28	Hóa chất xét nghiệm đường huyết (Glucose)	- Sử dụng tương thích với máy phân tích sinh hóa CT-T240 và Miura - Thành phần chính: Nicotinamide adenine dinucleotide, adenosine triphosphate, magiê, hexokinase (nấm men), glucose-6-phosphate dehydrogenase (vi sinh vật) - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	1.500	1700	3.200
29	Hóa chất xét nghiệm Protein toàn phần	- Sử dụng tương thích với máy phân tích sinh hóa CT-T240 và Miura - Thành phần chính: Natri kali tartrat , pentahydrat đồng sunfat, kali iodua và natri hydroxit - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	600	650	1.250
30	Hóa chất xét nghiệm Triglyceride	- Sử dụng tương thích với máy phân tích sinh hóa CT-T240 và Miura - Thành phần chính: 4-aminoantipyrine, adenosine triphosphate, p-chlorophenol, glycerol phosphate oxydase (vi khuẩn), lipoprotein lipase (vi sinh vật), peroxidase (thực vật), glycerol kinase (vi sinh vật) - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	700	800	1.500
31	Hóa chất xét nghiệm Cholesterol	- Sử dụng tương thích với máy phân tích sinh hóa CT-T240 và Miura - Thành phần chính: 4-aminoantipyrine, axit p-hydroxybenzoic, cholesterol esterase (đồng vật có vú và vi khuẩn), cholesterol oxydase (vi khuẩn), peroxidase (thực vật). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	500	550	1.050
32	Hóa chất xét nghiệm LDL Cholesterol	- Sử dụng tương thích với máy phân tích sinh hóa CT-T240 và Miura - Thành phần chính: + R1: Dung dịch PIPES; Cholesterol esterase (CHE); Cholesterol oxydase (CHOD); Catalase + R2: Dung dịch PIPER; 4 – Aminoantipyrine (4-AA); Peroxidase (POD) - Chất hiệu chuẩn: Huyết thanh người đông khô - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	500	500	1.000

33	Hóa chất xét nghiệm HDL Cholesretol	- Sử dụng tương thích với máy phân tích sinh hóa CT-T240 và Miura - Thành phần chính: + R1: N, N-bis (2-hydroxyetyl)-2-axit aminoethanesulphonic; N-(2-hydroxy-3-sulfoethyl)-3,5-dimethoxyaniline (HDAOS); Cholesterol Esterase; Cholesterol oxydase; Catalase ; Ascorbic oxydase + R2: N, N-bis(2-hydroxyetyl)-2-axit aminoethanesulphonic; 4 – Aminoantipyrine (4-AA); Peroxidase - Chất hiệu chuẩn: Huyết thanh gốc của người dạng đông khô - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	500	500	1.000
34	Hóa chất xét nghiệm Uric Acid	- Sử dụng tương thích với máy phân tích sinh hóa CT-T240 và Miura - Thành phần chính: DHBS, 4-aminoantipyrine, peroxidase (thực vật), uricase (vi khuẩn) - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	500	600	1.100
35	Hóa chất xét nghiệm Calcium	- Sử dụng tương thích với máy phân tích sinh hóa CT-T240 và Miura - Thành phần chính: arsenazo III, buffer - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	600	700	1.300
36	Chất kiểm soát chất lượng đa nồng độ các xét nghiệm sinh hóa	- Sử dụng tương thích với máy phân tích sinh hóa CT-T240 và Miura - Thành phần chính: Huyết thanh người - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	50	50	100
37	Chất hiệu chuẩn chất lượng đa nồng độ các xét nghiệm sinh hóa	- Sử dụng tương thích với máy phân tích sinh hóa CT-T240 và Miura - Thành phần chính: Huyết thanh người đông khô - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	15	16	31
38	Dung dịch khử khuẩn nước buồng ủ máy xét nghiệm sinh hóa	- Sử dụng tương thích với máy phân tích sinh hóa CT-T240 và Miura - Thành phần chính: HCOONa, Thuốc diệt khuẩn - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	1.000	12000	13.000
39	Dung dịch rửa kiểm dùng để rửa cuvet phản ứng máy xét nghiệm sinh hóa	- Sử dụng tương thích với máy phân tích sinh hóa CT-T240 và Miura - Thành phần chính: NaOH - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	5.000	5500	10.500
III	Phần 3. Hóa chất xét nghiệm miễn dịch (Yêu cầu cung cấp, cài đặt và sử dụng được cho máy xét nghiệm Miễn dịch i1000)					

44	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch CA 15-3	- Sử dụng tương thích với phân tích miễn dịch i1000 - Thành phần chính: + R1: Kháng thể đơn dòng kháng CA 15-3 của chuột, Vi hạt từ tính + R2: Kháng thể đơn dòng kháng CA 15-3 của chuột đánh dấu acridinium ester + Chất hiệu chuẩn 1: CA 15-3, Casein + Chất hiệu chuẩn 2: CA 15-3, Casein - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Test	400	400	800
45	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch CEA	- Sử dụng tương thích với phân tích miễn dịch i1000 - Thành phần chính: + R1: Kháng thể đơn dòng kháng CEA của chuột, Vi hạt từ tính + R2: Kháng thể đơn dòng kháng CEA của chuột được đánh dấu bằng acridinium ester + Chất hiệu chuẩn 1: CEA, Huyết thanh bò mới + Chất hiệu chuẩn 2: CEA, Huyết thanh bò mới - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Test	400	400	800
46	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch CYFRA21-1	- Sử dụng tương thích với phân tích miễn dịch i1000 - Thành phần chính: + R1: Kháng thể đơn dòng kháng CYFRA21-1 của chuột, Vi hạt từ tính + R2: Kháng thể đơn dòng kháng CYFRA21-1 của chuột có nhãn AE + Chất hiệu chuẩn 1: CYFRA21-1, Albumin huyết thanh bò + Chất hiệu chuẩn 2: CYFRA21-1, Albumin huyết thanh bò - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Test	400	400	800
47	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch Total PSA	- Sử dụng tương thích với phân tích miễn dịch i1000 - Thành phần chính: + R1: Kháng thể đơn dòng kháng PSA của chuột, Vi hạt từ tính + R2: Kháng thể đơn dòng kháng PSA của chuột được đánh dấu bằng acridinium ester + Chất hiệu chuẩn 1: PSA, Albumin huyết thanh bò + Chất hiệu chuẩn 2: PSA, Albumin huyết thanh bò - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Test	400	400	800

48	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch β -HCG	- Sử dụng tương thích với phân tích miễn dịch i1000 - Thành phần chính: - R1: Kháng thể đơn dòng kháng β-HCG của chuột, vi hạt từ tính - R2: Kháng thể đơn dòng kháng β-HCG có nhãn AE (chuột) - R3: Dung dịch đệm photphat - Chất hiệu chuẩn 1: Kháng nguyên β-HCG tái tổ hợp - Chất hiệu chuẩn 2: Kháng nguyên β-HCG tái tổ hợp - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Test	500	500	1.000
49	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch FT3	- Sử dụng tương thích với phân tích miễn dịch i1000 - Thành phần chính: - R1: Kháng thể đơn dòng kháng T3 của chuột, các vi hạt từ tính. - R2: T3 dẫn nhãn acridinium ester - Chất hiệu chuẩn 1: Triiodothyronine - Chất hiệu chuẩn 2: Triiodothyronin - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Test	500	500	1.000
50	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch FT4	- Sử dụng tương thích với phân tích miễn dịch i1000 - Thành phần chính: - R1: Kháng thể đơn dòng kháng T4 của chuột, Vi hạt từ tính - R2: T3 dẫn nhãn acridinium ester - R3: Bộ đệm Tris - Chất hiệu chuẩn 1: Kháng nguyên thyroxine - Chất hiệu chuẩn 2: Kháng nguyên thyroxine - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Test	500	500	1.000
51	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch TSH	- Sử dụng tương thích với phân tích miễn dịch i1000 - Thành phần chính: - R1: Kháng thể đơn dòng kháng TSH của chuột, vi hạt từ tính - R2: Kháng thể đơn dòng TSH (chuột) đánh dấu bằng acridinium ester - Chất hiệu chuẩn 1: Kháng nguyên tái tổ hợp TSH - Chất hiệu chuẩn 2: Kháng nguyên tái tổ hợp TSH - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Test	500	500	1.000

52	Chất kiểm soát chất lượng xét nghiệm dấu ấn ung thư mức trung bình	- Sử dụng tương thích với phân tích miễn dịch i1000 - Thành phần chính: + Alpha-fetoprotein + Carcinoembryonic antigen + Kháng nguyên ung thư 125 + Kháng nguyên ung thư 15-3 + Kháng nguyên ung thư 19-9 + Kháng nguyên đặc hiệu tuyến tiền liệt + Albumin huyết thanh bò - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	3	3	6
53	Chất kiểm soát chất lượng xét nghiệm dấu ấn ung thư mức cao	- Sử dụng tương thích với phân tích miễn dịch i1000 - Thành phần chính: + Alpha-fetoprotein + Carcinoembryonic antigen + Kháng nguyên ung thư 125 + Kháng nguyên ung thư 15-3 + Kháng nguyên ung thư 19-9 + Kháng nguyên đặc hiệu tuyến tiền liệt + Albumin huyết thanh bò - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	3	3	6
54	Chất kiểm soát chất lượng đa xét nghiệm miễn dịch mức thấp	- Sử dụng tương thích với phân tích miễn dịch i1000 - Thành phần chính: + Huyết thanh người + Sucrose - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	13	17	30
55	Chất kiểm soát chất lượng đa xét nghiệm miễn dịch mức cao	- Sử dụng tương thích với phân tích miễn dịch i1000 - Thành phần chính: + Huyết thanh người + Sucrose - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	13	17	30

56	Dung dịch đệm cơ chất dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	- Sử dụng tương thích với phân tích miễn dịch i1000 - Thành phần chính: + Chất đệm A: H₂O₂, Axit Nitric. + Chất đệm B: NaOH. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	3.500	4.500	8.000
57	Dung dịch đệm rửa kim hút thuốc thử máy xét nghiệm miễn dịch	- Sử dụng tương thích với phân tích miễn dịch i1000 - Thành phần chính: Alkaline solution - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	550	700	1.250
58	Dung dịch đậm đặc làm sạch hệ thống phân ứng xét nghiệm miễn dịch	- Sử dụng tương thích với phân tích miễn dịch i1000 - Thành phần chính: Buffer, Surfactant - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	ml	5.500	7.000	12.500
59	Bộ Cuvet phản ứng sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch	- Sử dụng tương thích với phân tích miễn dịch i1000 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	9.000	10.000	19.000
IV	Phần 4. Hóa chất định nhóm máu					
60	Định nhóm máu Anti A	* Kháng thể đơn dòng Anti A * Độ đặc hiệu 100%. Độ chính xác 100%. * Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	ml	140	170	310
61	Định nhóm máu Anti B	* Kháng thể đơn dòng Anti B * Độ đặc hiệu 100%. Độ chính xác 100%. * Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	ml	140	170	310
62	Định nhóm máu Anti AB	* Kháng thể đơn dòng Anti AB. Độ đặc hiệu 100%. Độ chính xác 100%. * Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	ml	140	170	310
63	Định nhóm máu Anti D (IgM)	* Kháng thể đơn dòng Anti D. Độ đặc hiệu 100%. Độ chính xác 100%. * Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	ml	140	170	310
V	Phần 5. Sinh phẩm					

64	Test thử nhanh phát hiện kháng thể virus HIV	Phát hiện sự có mặt của các kháng thể kháng HIV-1 và HIV-2 trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương người Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Độ nhạy: $\geq 99.5\%$, Độ đặc hiệu: $\geq 98\%$ - Nằm trong khuôn khổ xét nghiệm chẩn đoán HIV quốc gia bổ sung 2020 của viện VSDTTW - Bảo quản ở nhiệt độ thường Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016	Test	2.600	3.200	5.800
65	Test thử nhanh phát hiện virus viêm gan C (HCV)	Phát hiện kháng thể kháng HCV trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần người - Mẫu phẩm huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Độ nhạy: 100%, Độ đặc hiệu: 100 % - Bảo quản ở nhiệt độ thường - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016,	Test	90	100	190
66	Test thử nhanh phát hiện virus viêm gan B (HBsAg)	Phát hiện kháng nguyên HBsAg trong huyết thanh, huyết tương người - Mẫu phẩm huyết thanh, huyết tương - Độ nhạy: 100%, Độ đặc hiệu: $\geq 98\%$ - Bảo quản ở nhiệt độ thường - Ngưỡng phát hiện 1ng/ml Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016	Test	3.500	4.000	7.500
67	Test thử nhanh phát hiện Giang mai	Phát hiện kháng thể kháng syphilis trong máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương của người. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 - Độ nhạy: 100% ; Độ đặc hiệu: 100% - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Bảo quản ở nhiệt độ thường - Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016	Test	1.000	1.200	2.200
68	Test thử Rotavirus	Định tính phát hiện kháng nguyên vi rút Rota trong mẫu phân của người. - Độ nhạy tương quan: 100%; Độ đặc hiệu tương quan: $\geq 97,2\%$ - Bảo quản nhiệt độ thường - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, chứng chỉ xuất khẩu FDA	Test	130	150	280

69	Test thử nhanh phát hiện virus viêm gan A (HAV Ab)	Định tính phát hiện kháng thể IgG/IgM kháng HAV - Mẫu thử huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần Vạch IgG: Độ nhạy tương quan: 100%, Độ đặc hiệu tương quan: ≥ 98% Vạch IgM: Độ nhạy tương quan: ≥ 94%, Độ đặc hiệu tương quan: ≥ 96% - Bảo quản kit thử ở nhiệt độ thường - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, chứng chỉ xuất khẩu FDA.	Test	60	70	130
70	Test thử nhanh phát hiện Vi rút cúm A, Cúm B	Định tính phát hiện kháng nguyên vi rút cúm A/B - Mẫu thử: Dịch mũi, họng, tỵ hầu - Vạch A: Độ nhạy tương quan: ≥ 99%, Độ đặc hiệu tương quan: 100% - Vạch B: Độ nhạy tương quan: 100%, Độ đặc hiệu tương quan: 100% - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, chứng chỉ xuất khẩu FDA.	Test	500	500	1.000
71	Test thử xét nghiệm định tính Malaria	Định tính phát hiện đồng thời và phân biệt kháng nguyên các chủng virus gây bệnh sốt rét Malaria dạng Pf/Pv - Mẫu thử, máu toàn phần - Phát hiện Pf: Độ nhạy: ≥ 92%; Độ đặc hiệu: ≥ 98% - Phát hiện Pv: Độ nhạy: ≥ 90%; Độ đặc hiệu: ≥ 98% - Bảo quản nhiệt độ thường - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, chứng chỉ xuất khẩu FDA.	Test	30	30	60
72	Test phát hiện nhanh kháng nguyên H.pylori	Phát hiện các kháng thể IgG, IgA, IgM kháng H. pylori - Mẫu thử: máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương - Độ nhạy tương quan: ≥ 86%; Độ đặc hiệu tương quan: ≥ 91% - Bảo quản ở nhiệt độ thường - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, chứng chỉ xuất khẩu FDA.	Test	500	500	1.000
73	Test thử ma túy 5 chân	Panel thử nhanh phát hiện 5 chất ma túy (MOP/MDMA/MET/KET/THC) Độ nhạy: ≥ 99,9% Độ đặc hiệu: ≥ 99,9% Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Test	1.000	1.000	2.000
VI	Phần 6: Test thử nước tiểu (Yêu cầu cung cấp, cài đặt và sử dụng được cho máy xét nghiệm nước tiểu Mission U120 và Laura)					

